

Bản án số: 40/2019/HS-ST
Ngày 23-12-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VINH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Duy Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Phạm Thị Khanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Anh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vinh Bảo, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vinh Bảo, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vinh Bảo, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 28/2019/TLST- HS, ngày 27 tháng 9 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2019/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 12 năm 2019, đối với bị cáo:

Lò Văn Q, sinh ngày 05 tháng 12 năm 1994, tại Lai Châu. Nơi cư trú: Bản BD, xã TĐ, huyện TU, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn M và bà Lò Thị H; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Có 01 tiền án, tại bản án số 37/2016/HSST, ngày 26 tháng 9 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện TU, tỉnh Lai Châu xử phạt 18 (mười tám) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", bị cáo chấp hành xong hình phạt tù tháng 01 năm 2018; nhân thân: Ngày 11 tháng 10 năm 2012 bị cáo bị Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ra quyết định số 1080/QĐ-UBND đưa vào Cơ sở giáo dục với thời hạn 24 (hai mươi bốn) tháng, tháng 8 năm 2014 bị cáo Q về địa phương (tiền sự này đã được xóa). Tại bản án số 20/2015/HSST ngày 29 tháng 6 năm 2015 của Tòa án nhân dân huyện TU, tỉnh Lai Châu, bị cáo Q bị xử phạt 12 (mười hai) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 24 tháng 3 năm 2016 (tiền án này đã được xác định là tình tiết định tội trong bản án số 37/2016/HSST). Tại bản án số

111/2018/HSST ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố ĐBP, tỉnh Điện Biên xử phạt bị cáo 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tại bản án hình sự số 13/2019/HSST ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện SH, tỉnh Lai Châu xử phạt Lò Văn Q 01 năm 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp với hình phạt 24 (hai mươi bốn) tháng tù của bản án số 111/2018/HSST ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố ĐBP, tỉnh Điện Biên, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 03 (ba) năm 08 (tám) tháng tù, (các bản án này xét xử sau khi bị cáo Quỳnh có hành vi phạm tội ngày 18 tháng 5 năm 2018).

Bị cáo đang chấp hành án phạt tù từ ngày 03 tháng 8 năm 2018 của bản án số 13/2019/HSST ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện SH, tỉnh Lai Châu, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1- Anh Phạm Đức T, sinh năm 1989;

Trú tại: Thôn KT, xã HN, huyện VB, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa.

2- Anh Nguyễn Khương D, sinh năm 1993;

Trú tại: Thôn AL, xã AH, huyện VB, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Lò Văn Q là người làm thuê cho quán ăn của anh Phạm Đức T, Nguyễn Khương D. Ngày 18 tháng 5 năm 2018, do có công việc nên anh T, anh D đưa cho bị cáo Lò Văn Q 7.000.000đ (bảy triệu đồng) để trả tiền mua 02 con dê, đồng thời giao cho bị cáo Q trông nom quán, trong đó có 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 15K1 – 338.91, nhãn hiệu Honda Wave màu trắng, đen, bạc của anh T. Sau khi được giao tiền, tài sản và quản lý quán, bị cáo Lò Văn Q đã nảy sinh ý định chiếm đoạt những tài sản này, bị cáo đã cầm số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng) và chiếc xe 15K1 – 338.91 bỏ đi, sau đó tiêu sài cá nhân hết số tiền trên, tiếp tục cầm cố chiếc xe mô tô lấy tiền ăn tiêu hết.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 72/KL-ĐG ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng kết luận: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 15K1 – 338.91, màu trắng, đen, bạc trị giá 18.000.000đ (mười tám triệu đồng).

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi của mình như trên.

Bản Cáo trạng số 30/CT-VKS ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo đã truy tố bị cáo Lò Văn Q về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Phạm Đức T, anh Nguyễn Khương D yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho anh D, anh T số tiền 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng).

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Lò Văn Q từ 21 đến 24 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; tổng hợp với hình phạt 03 (ba) năm 08 (tám) tháng tù của bản án số 13/2019/HSST ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện SH, tỉnh Lai Châu, bị cáo Q phải chấp hành hình phạt chung từ 05 (năm) năm 05 (năm) tháng tù đến 05 (năm) năm 08 (tám) tháng tù; không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; về trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Phạm Đức T, anh Nguyễn Khương D số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng), anh Phạm Đức T 18.000.000đ (mười tám triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai bị hại, người làm chứng, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên tòa, nên đã đủ cơ sở kết luận: Ngày 18 tháng 5 năm 2018, sau khi được bị hại anh Phạm Văn T, Nguyễn Khương D giao cho tài sản là số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng) và chiếc xe mô tô 15K1 – 338.91 trị giá là 18.000.000đ (mười tám triệu đồng), bị cáo Lò Văn Q đã

nảy sinh ý định chiếm đoạt những tài sản này, đem tài sản bỏ trốn, cầm cố tài sản, ăn tiêu hết. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt xác định bằng 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng). Do đó, hành vi của bị cáo Q đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, với tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi của bị cáo Lò Văn Q đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, lần phạm tội này là tái phạm. Nên cần xử phạt cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đủ tính giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên cũng cần xem xét đánh giá tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân đối với bị cáo để áp dụng hình phạt tương xứng.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án tại bản án số 37/2016/HSST, ngày 26 tháng 9 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện TU, tỉnh Lai Châu xử phạt 18 (mười tám) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" chưa được xóa án tích, nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết tăng nặng là “tái phạm”, quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự .

[6] Về nhân thân: Ngày 11 tháng 10 năm 2012, bị cáo bị Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ra Quyết định số 1080/QĐ-UBND đưa vào Cơ sở giáo dục với thời hạn 24 (hai mươi bốn) tháng, tháng 8 năm 2014 bị cáo Quỳnh về địa phương, tiền sự này đã được xóa. Tại Bản án số 20/2015/HSST ngày 29 tháng 6 năm 2015 của Tòa án nhân dân huyện TU, tỉnh Lai Châu, bị cáo Quỳnh bị xử phạt 12 (mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 24 tháng 3 năm 2016, tiền án này đã được xác định là tình tiết định tội trong bản án số 37/2016/HSST ngày 26 tháng 9 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện TU, tỉnh Lai Châu, nên theo hướng dẫn tại tiêu mục 7.3, mục 7 của Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP, ngày 12 tháng 5 năm 2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, không xác định là tái phạm, tái phạm nguy hiểm. Tại bản án số 111/2018/HSST ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố ĐBP, tỉnh Điện Biên xử phạt bị cáo 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tại Bản án hình sự số 13/2019/HSST ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện SH, tỉnh Lai Châu xử phạt Lò Văn Q 01 năm 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, các bản án này xét xử sau khi bị cáo Quỳnh có hành vi phạm tội ngày 18 tháng 5 năm 2018, hiện đang bị truy tố, xét xử, nên không xác định là tái phạm, tái phạm nguy hiểm. Nhưng cần xác định bị cáo Q là người có nhân thân xấu.

[7] Bị cáo đang chấp hành hình phạt của Bản án số 13/2019/HSST ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện SH, tỉnh Lai Châu, nên cần áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 175 thì bị cáo Lò Văn Q còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên xét thấy bị cáo là Lao động tự do, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy việc áp dụng các điểm khoản, điều luật, mức hình phạt theo đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp, đủ tính giáo dục và phòng ngừa chung.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo Q chiếm đoạt được của anh Phạm Đức T là chiếc xe mô tô 15K1 – 338.91 trị giá 18.000.000đ (mười tám triệu đồng), của Phạm Đức T, Nguyễn Khương D là số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng), bị cáo đã tiêu sài cá nhân, cầm cố xe không thu hồi được. Anh Phạm Đức T, anh Nguyễn Khương D yêu cầu bị cáo phải bồi thiệt hại này. Xét yêu cầu của anh T, anh D là chính đáng, phù hợp với các điều 584, 585, 590 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T, anh D.

[11] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo luật định. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo đối với Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 56 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Lò Văn Q 21 (hai mươi một) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tổng hợp với hình phạt 03 (ba năm), 08 (tám) tháng tù của Bản án số 13/2019/HSST ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện SH, tỉnh Lai Châu, bị cáo Lò Văn Q phải chấp hành hình phạt chung là 05 (năm năm), 05 (năm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính theo ngày bản án số 13/2019/HSST ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện SH, tỉnh Lai Châu (từ ngày 03 tháng 8 năm 2018).

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các điều 584, 585, 590 của Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Lò Văn Q phải bồi thường cho các anh Phạm Đức T, Nguyễn Khương D số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng), anh Phạm Đức T số tiền 18.000.000đ (mười tám triệu đồng).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.250.000đ (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo bản án:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án các anh Phạm Đức T, Nguyễn Khương D có đơn yêu cầu về khoản tiền được thi hành án, nếu bị cáo Lò Văn Quỳnh chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về quyền yêu cầu thi hành: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- Phòng PV27 CATP;
- Sở Tư pháp;
- VKS ND huyện Vĩnh Bảo;
- Công an huyện Vĩnh Bảo;
- Nhà tạm giữ CA H. Vĩnh Bảo;
- Chi cục THA DS H. Vĩnh Bảo;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Duy Việt